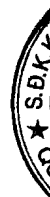


CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 01 năm 2012.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND.

• Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 39435447

Fax : (84-08) 39435466

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Mã chứng khoán HMM

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 2 2 4 1 6

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0 3 1 3 9 7 9 9 4 6

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 5 9 0 0 7

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39435440

Fax : (84-8) 39435441

Mã số thuế : 0 3 0 3 9 0 1 7 3 3

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh:

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0 2 0 1 2 4 2 4 6 4

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 7 5 7 5

Điện thoại : (84 4) 39331199

Fax : (84 4) 39331919

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 38267654

Fax : (84 - 08) 39435498

Mã số thuế : 0310316130

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : 0311190956

- Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
5.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban kiểm soát

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
3.	Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán


Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hải Minh, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



VÕ THÈ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV



VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.019.081.985	98.148.791.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.466.527.868	57.678.932.405
1. Tiền	111		9.583.805.264	14.965.209.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.882.722.604	42.713.722.604
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.102.899.174	38.449.487.201
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	24.528.028.829	34.047.030.454
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.523.950.467	2.491.011.668
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.143.919.878	2.004.445.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(93.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.313.926.850	349.309.487
Hàng tồn kho	141		1.313.926.850	349.309.487
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.335.728.093	1.671.062.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	492.810.236	156.378.574
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		375.235.613	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		329.059.263	390.857.176
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.138.622.981	1.123.826.607
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.532.879.718	102.161.449.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.727.885.200	38.624.990.426
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	73.876.919.125	37.504.990.426
Nguyên giá	222		114.224.441.565	71.665.621.693
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.347.522.440)	(34.160.631.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.137.000.000	1.137.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.730.966.075	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	68.186.912.756	57.881.716.481
1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		61.386.912.756	51.081.716.481
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.648.366.240	1.942.597.741
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.385.073.382	1.674.304.883
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	263.292.858	268.292.858
VI. Lợi thế thương mại	269		2.969.715.522	3.712.144.402
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212.551.961.703	200.310.240.500

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

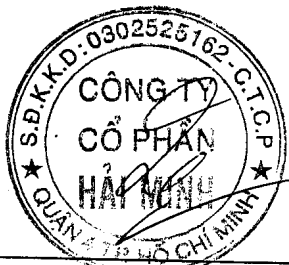
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.188.932.152	36.321.956.246
I. Nợ ngắn hạn	310		21.968.963.099	36.087.593.525
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	342.563.969
2. Phải trả người bán	312	V.11	15.066.806.563	22.119.769.829
3. Người mua trả tiền trước	313		-	5.589.260
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.831.993.029	4.917.319.830
5. Phải trả người lao động	315		1.682.273.812	1.136.510.442
6. Chi phí phải trả	316		31.818.182	16.450.000
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	919.838.436	6.653.180.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		753.728.320	495.264.372
9. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		682.504.757	400.945.123
II. Nợ dài hạn	330		219.969.053	234.362.721
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		100.000.000	-
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119.969.053	234.362.721
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.050.361.517	160.635.027.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	187.050.361.517	160.635.027.819
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.998.840.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.573.065.830)	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.375.997.936	3.168.311.136
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		83.268.719.296	84.483.785.198
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		3.312.668.034	3.353.256.435
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212.551.961.703	200.310.240.500

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			7.570,31	90.372,00
- Dollar Singapore (SGD)			-	402,18

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

(Có so sánh với số liệu năm 2011)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.376.917.119	117.834.580.420
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.376.917.119	117.834.580.420
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.315.983.008	90.501.125.443
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.060.934.111	27.333.454.977
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.840.809.301	7.286.125.260
7 Chi phí tài chính	22		38.413.590	301.536.057
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		10.720.283	48.761.914
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.4	11.573.499.574	10.735.248.535
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.289.830.248	23.582.795.645
11 Thu nhập khác	31	VI.5	4.894.675.179	1.516.906.870
12 Chi phí khác	32	VI.6	3.938.317.437	445.064.989
13 Lợi nhuận khác	40		956.357.742	1.071.841.881
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		20.032.808.426	20.098.151.685
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.278.996.416	44.752.789.211
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		4.571.652.995	4.496.562.448
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>39.707.343.421</u>	<u>40.256.226.763</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		371.485.929	425.353.984
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>39.335.857.492</u>	<u>39.830.872.779</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân</i>			7.834.122	5.612.593
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>5.021,09</u>	<u>7,097</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>				
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	01		44.278.996.416	44.752.789.211
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.244.861.646	9.228.347.116
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(598.369)	(27.321.750)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.180.880.504)	(17.910.894.370)
- Chi phí lãi vay	06		10.720.283	48.761.914
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		25.353.099.472	36.091.682.121
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.271.542.955	(6.731.664.032)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(964.617.363)	(349.309.487)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(15.483.960.626)	4.861.852.048
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(47.200.161)	(208.340.224)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.720.283)	(48.761.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.555.903.820)	(2.821.644.979)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		430.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.028.011.352)	(1.554.167.090)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		11.964.228.822	29.239.646.443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22.314.257.245)	(4.442.193.584)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.031.818.180	1.220.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(31.841.511.800)	(4.907.385.589)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.975.430.097	17.959.228.370
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(28.148.520.768)	10.329.649.197
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		3.569.380.000	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.167.200)	(2.670.377.835)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.000.000.000	373.651.267
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.057.089.668)	(31.087.298)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.539.834.092)	(17.815.302.298)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(11.028.710.960)	(20.143.116.164)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(27.213.002.906)	19.426.179.476
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		57.678.932.405	38.225.431.179
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		598.369	27.321.750
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	VI.1	30.466.527.868	57.678.932.405

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : 0311190956

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để qui đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (ngân hàng TMCP Hàng Hải-CN Tp.HCM)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

Ngày 31/12/2011 là: 16.000 VND/SGD

Ngày 31/12/2011 là: 27.044 VND/EUR

Ngày 31/12/2012 là: 20.828 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	754.010.245	2.300.145.036
Tiền VND	724.642.765	2.264.342.608
SGD quy đổi VND	-	6.434.948
USD quy đổi VND	29.367.480	29.367.480
Tiền gửi ngân hàng	4.529.795.019	4.665.064.765
Tiền VND	4.401.489.495	2.809.042.986
Tiền USD quy đổi sang VND	128.305.524	1.856.021.779
Các khoản tương đương tiền	25.182.722.604	50.713.722.604
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>30.466.527.868</u>	<u>57.678.932.405</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	12.486.987.237	15.962.042.588
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.187.493.935	5.690.006.699
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	2.806.129.822	10.377.657.732
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	602.095.450	2.017.323.435
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	2.445.322.385	
Cộng	<u>24.528.028.829</u>	<u>34.047.030.454</u>

3. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	25.000.000	2.298.811.668
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.498.950.467	192.200.000
Cộng	<u>2.523.950.467</u>	<u>2.491.011.668</u>

4. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	860.885.885	1.362.612.549
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.670.000	73.598.197
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	5.000.848	308.272.265
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	187.247.811	259.962.068
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	86.115.334	
Cộng	<u>1.143.919.878</u>	<u>2.004.445.079</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	362.123.135	121.207.823
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	63.271.636	8.182.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	15.985.807	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	26.988.045
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	51.429.658	-
Cộng	<u>492.810.236</u>	<u>156.378.574</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Chi tiêu		
Công ty Cổ phần Hải Minh	317.226.230	283.645.877
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	453.414.499	351.864.900
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	310.804.252	351.513.625
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	50.000.000	136.802.205
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.178.000	-
Cộng	<u>1.138.622.981</u>	<u>1.123.826.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>
I Nguyên giá					
1 Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	45.484.299.732	940.054.388	71.665.621.693
2 Tăng trong năm	29.376.428.904	5.158.649.625	15.794.629.443	90.112.546	50.419.820.518
3 Giảm trong năm	-	-	7.861.000.646	-	7.861.000.646
4 Số cuối năm	46.986.826.725	12.789.519.377	53.417.928.529	1.030.166.934	114.224.441.565
II Hao mòn lũy kế					
1 Số đầu năm	7.634.266.445	5.641.387.091	20.315.087.539	569.890.192	34.160.631.267
2 Tăng trong năm	2.606.012.648	1.573.058.620	6.934.959.984	130.830.394	11.244.861.646
3 Giảm trong năm	-	-	5.057.970.473	-	5.057.970.473
4 Số cuối năm	10.240.279.093	7.214.445.711	22.192.077.050	700.720.586	40.347.522.440
III Giá trị còn lại					
1 Số đầu năm	9.976.131.376	1.989.482.661	25.169.212.193	370.164.196	37.504.990.426
2 Số cuối năm	36.746.547.632	5.575.073.666	31.225.851.479	329.446.348	73.876.919.125

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	61.386.912.756	51.081.716.481
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	68.186.912.756	57.881.716.481

9. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>		
Công ty Cổ phần Hải Minh	486.264.024	1.343.718.036
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	106.736.544
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	898.809.358	223.850.303
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
Cộng	1.385.073.382	1.674.304.883

10. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	44.400.000	49.400.000
Cộng	263.292.858	268.292.858

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	9.604.107.432	15.999.626.923
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.442.236.785	2.166.286.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	2.117.015.414	3.517.578.400
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	463.671.700	436.277.800
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.439.775.232	-
Cộng	15.066.806.563	22.119.769.829

12. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I. Thuế	4.867.717.794	11.399.038.340	13.549.162.907	2.717.593.227
Thuế GTGT hàng bán nội địa	242.863.474	3.752.349.885	3.243.681.574	751.531.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.331.244.503	4.736.981.933	7.555.903.820	1.512.322.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	269.369.043	311.058.636	(41.689.593)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	159.154.000	159.154.000	-
Các loại thuế khác	293.609.817	2.750.552.522	2.590.423.513	453.738.826
Thuế thu nhập cá nhân	243.861.867	2.067.610.190	1.906.056.240	405.415.817
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa</i>	<i>73.149.035</i>	<i>64.556.255</i>	<i>151.677.150</i>	<i>(13.971.860)</i>
Thuế nhà Thầu	49.747.950	670.942.332	669.367.273	51.323.009
Thuế môn bài	-	12.000.000	15.000.000	(3.000.000)
<i>Thuế môn bài nộp thừa</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	<i>(3.000.000)</i>
II. Các khoản phải nộp khác	49.602.036	667.810.382	661.674.069	55.738.349
Các khoản khác	49.602.036	667.810.382	661.674.069	55.738.349
Tổng cộng	4.917.319.830	12.066.848.722	14.210.836.976	2.773.331.576

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu		
Công ty Cổ phần Hải Minh	819.153.645	5.544.093.465
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.086.881	417.287.865
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.130.960	159.514.876
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	63.406.950	532.284.494
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	27.060.000	-
Cộng	919.838.436	6.653.180.700

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

14. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	145.421.340.371
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	39.830.872.780	39.830.872.780
Tăng khác	-	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	(22.376.341.618)
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	429.534.121
Số dư cuối năm trước	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Số dư đầu năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng trong kỳ	26.423.880.000	-	-	(1.167.200)	-	-	-	26.422.712.800
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	39.335.857.492	39.335.857.492
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(31.144.792.400)	(31.144.792.400)
Giảm khác	-	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Số dư cuối năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	-	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng ,	9.784.784	7.357.496
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	7.179.906
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	215.216	130.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.216	130.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	7.227.296
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.784.784	7.049.706
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590

(**) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	36.678.349.015	34.382.319.936
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	42.397.347.883	33.551.539.702
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	31.088.835.218	41.116.023.462
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	4.183.487.418	8.784.697.320
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.028.897.585	-
Cộng	120.376.917.119	117.834.580.420

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	18.764.638.746	23.462.852.094
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	27.433.862.125	24.631.340.065
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	30.746.764.839	33.808.358.192
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	8.328.183.615	8.598.575.092
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	5.042.533.683	-
Cộng	90.315.983.008	90.501.125.443

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	3.080.915.659	4.977.729.730
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	575.891.203	825.967.822
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.083.614.485	1.386.541.814
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	21.194.027	95.885.894
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	79.193.927	-
Cộng	4.840.809.301	7.286.125.260

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.552.588.254	5.376.515.793
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.722.615.103	2.199.272.310
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.702.390.091	1.843.136.896
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.160.472.027	1.316.323.536
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	435.434.099	-
Cộng	11.573.499.574	10.735.248.535

5. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	869.885.470	1.298.725.052
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	909.091	218.181.818
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	4.023.880.618	-
Cộng	4.894.675.179	1.516.906.870

6. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	530.353.849	206.834.603
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	61.614.009	237.858.604
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	382.346	371.782
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	3.345.967.233	-
Cộng	3.938.317.437	445.064.989

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	49.621.064.660	47.168.255.980
Điều chỉnh tăng	315.995.441	372.295.396
+ <i>Phạt vi phạm hành chính</i>		317.173.556
+ <i>Phạt vi phạm lĩnh vực thuế</i>		55.121.840
Điều chỉnh giảm	(27.132.539.606)	21.783.735.028
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	24.573.983.399	25.756.816.348
Thu nhập chịu thuế phát sinh theo thuế suất 20%	291.125.582	535.374.341
- Thuế suất thuế TNDN theo thuế suất 20%	20%	20%
- Thuế suất TNDN theo thuế suất 25%	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(20%)	58.225.116	107.074.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(25%)	6.055.407.181	6.308.496.866
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo thông tư 154/TT/BTC ngày 11/11/2011	1.541.979.302	1.919.009.286
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	4.571.652.995	4.496.562.448

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	7.142.396	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	2.642.388	1.741.116
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	116	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	7.834.122	5.612.593
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.707.343.421	39.830.872.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.021,09	7.096,70

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.189.266.456
Chi phí nhân công	24.025.400.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.244.861.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.007.911.556
Chi phí khác bằng tiền	8.572.880.656
Cộng	124.040.321.283

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu			
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	6.159.949.666
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu cước vận tải biển (thu hộ SAMUDERA)	16.428.614.520
		Nhận lợi nhuận 2011 từ liên doanh "K" Line	14.043.596.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.084.955.000

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2012

Phải thu	Số tiền VND
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	1.299.393.800
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.537.495.202
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	565.975.000

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận ở hai nơi khác nhau là Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay	Năm trước
Tp. Hồ Chí Minh	38.644.588.101	42.200.700.551
Tp. Hải Phòng	81.732.329.018	75.633.879.869
Cộng	120.376.917.119	117.834.580.420

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm 2012	Năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh	21.420.693.431	18.616.188.516	8.877.901.262	2.677.371.012
Tp. Hải Phòng	52.456.225.694	18.888.801.910	41.541.919.257	1.296.560.754
Cộng	73.876.919.125	37.504.990.426	50.419.820.519	3.973.931.766

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868	57.678.932.405
Phải thu khách hàng	24.528.028.829	34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	1.143.919.878	2.004.445.079
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	<u>62.938.476.575</u>	<u>100.530.407.938</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	15.066.806.563	22.119.769.829
Chi phí phải trả	31.818.182	16.450.000
Các khoản phải trả khác	919.838.436	6.653.180.700
Cộng	<u>16.018.463.181</u>	<u>28.789.400.529</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số dư 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	15.066.806.563	-	-	15.066.806.563
Chi phí phải trả	31.818.182	-	-	31.818.182
Các khoản phải trả khác	919.838.436	-	-	919.838.436
Cộng	16.018.463.181	-	-	16.018.463.181

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	22.119.769.829	-	-	22.119.769.829
Chi phí phải trả	16.450.000	-	-	16.450.000
Các khoản phải trả khác	6.653.180.700	-	-	6.653.180.700
Cộng	28.789.400.529	-	-	28.789.400.529

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số dư 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.466.527.868	-	-	30.466.527.868
Phải thu khách hàng	24.528.028.829	-	-	24.528.028.829
Các khoản phải thu khác	1.143.919.878	-	-	1.143.919.878
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	62.938.476.575	-	-	62.938.476.575

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số dư 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.678.932.405	-	-	57.678.932.405
Phải thu khách hàng	34.047.030.454	-	-	34.047.030.454
Các khoản phải thu khác	2.004.445.079	-	-	2.004.445.079
Ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Cộng	100.530.407.938	-	-	100.530.407.938

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2012 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng